TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN C
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 299/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 15/7/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C – TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thủy Tiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Long
2. Bà Cao Thị Tuyết Mai
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi – thư ký Tòa án nhân dân Quận 4
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận C tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận C, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 360/2022/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2022/QĐXX - ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thanh H , sinh năm 1979
Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Tp. HCM
Bị đơn: ông Nguyễn Nho T , sinh năm 1969
Địa chỉ: đường D, Phường E, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2021, bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp sau đó, Nguyên đơn bà Lâm Thị Thanh H trình bày:

Trước đây bà và ông Nguyễn Nho T đã đăng ký kết hôn lần đầu và đã thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh tại quyết định số 349/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/08/2018. Sau khi ly hôn, do ông Nguyễn Nho T mong muốn hàn gắn vợ chồng và bà cũng muốn cho cả hai cơ hội hàn gắn vì vậy bà đã đồng ý kết hôn lại với ông Tài tại Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 05/08/2019). Thời gian chung sống sau khi kết hôn lại, vợ chồng không được hạnh phúc vì ông Nguyễn Nho T vẫn không thay đổi cách cư xử, giữa vợ chồng lại phát sinh nhiều điểm bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn và xung đột giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà H nhận thấy giữa bà và ông T không còn tình cảm, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ vợ chồng: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T .

Về con chung: Bà H khai bà và ông T có hai (02) con chung là Nguyễn Nho Tr, sinh ngày 01/06/2000, đã thành niên, và Nguyễn Nho M , sinh ngày 04/01/2007. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên là Nguyễn Nho M và tự nguyện không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Nho T vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Phía bị đơn không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thể thu thập ý kiến của bị đơn.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C, Tp. HCM "đương sự Nguyễn Nho T , sinh năm 1969 có hộ khẩu thường trú tại đường A, Phường B, Quận C hiện nay sống tại địa chỉ: đường E, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh".

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; phía bị đơn ông Nguyễn Nho T vắng mặt lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án vá quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu đươc ly hôn với ông Nguyễn Nho T . Ông T hiện sống tại địa chỉ đường E, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Nho T vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: bà Lâm Thị Thanh H và ông Nguyễn Nho T chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Tp. HCM. Giấy chứng nhận kết hôn số 76, do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C cấp ngày 05/8/2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông T vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, giữa vợ chồng phát sinh nhiều điểm bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn và xung đột ngày càng trầm trọng. Bà H nhận thấy giữa bà và ông T không còn tình cảm, hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, hai bên đã sống ly thân thời gian dài. Tòa án cũng nhiều lần triệu tập ông T để hòa giải quan hệ hôn nhân tạo điều kiện để các đương sự hàn gắn, đoàn tụ nhưng bị đơn không đến, không có ý kiến. Căn cứ biên bản xác minh tại địa chỉ nơi ông T và bà H trước kia cùng sinh sống "…Quá trình chung sống tại địa phương thỉnh thoảng hai vợ chồng có cãi nhau còn thực tế có hạnh phúc không thì địa phương không nắm vì đây là chuyện cá nhân .." cho thấy mâu thuẫn giữa bà H , ông T là có và trầm trọng nên đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bản sao Giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định bà H và ông có 02 con chung tên Nguyễn Nho Tr, sinh ngày 01/06/2000, đã thành niên, và Nguyễn Nho M , sinh ngày 04/01/2007. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên là Nguyễn Nho M và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lâm Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 9; 53; 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lâm Thị Thanh H .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Nho T (Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 05/08/2019 do Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh cấp)

- Về con chung: xác định Bà Lâm Thị Thanh H và ông Nguyễn Nho T có 02 con chung là Nguyễn Nho Tr, sinh ngày 01/06/2000 đã thành niên và Nguyễn Nho M , sinh ngày 04/01/2007.

Giao con chung tên Nguyễn Nho M , sinh ngày 04/01/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tự thỏa thuận việc cấp dưỡng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở nhưng ông không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà Lâm Thị Thanh H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà Lâm Thị Thanh H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008593 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận c;
- Chi cục THADS Quận c;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Hồ Thị Thủy Tiên